

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 4 – BẮC NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 81/2026/HNGĐ-ST

Ngày 30/3/2026

“V/v: Ly hôn, nuôi con chung”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 – BẮC NINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Ngữ

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đồng Văn Diện

Bà Ngô Thị Mai

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Mỹ L – Thư ký.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa: Ông Trần Mạnh Sỹ - Kiểm sát viên.

Ngày 30/3/2026, Tòa án nhân dân Khu vực 4 – Bắc Ninh mở phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 307/2025/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 11 năm 2025 về ly hôn, nuôi con chung; Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 28/2026/QĐXX-ST ngày 23/01/2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số 36/2026/QĐST-HNGĐ ngày 25/02/2026, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Chị Nguyễn Thị B, sinh năm 1996 (vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn Quảng Mô, xã Lạng Giang, tỉnh Bắc Ninh.

- **Bị đơn:** Anh Dương Văn T, sinh năm 1987 (vắng mặt)

HKTT: Thôn Quảng Mô, xã Lạng Giang, tỉnh Bắc Ninh.

(Hiện đang cư trú, lao động ở nước ngoài không rõ địa chỉ)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện về việc xin ly hôn và bản tự khai nguyên đơn là chị Nguyễn Thị B, trình bày:

+ Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Dương Văn T kết hôn với nhau năm 2007 trên cơ sở tự do tìm hiểu, tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Tiến Thắng, huyện Yên Thế, tỉnh Bắc Giang (cũ). Vợ chồng chung sống hòa thuận từ khi cưới đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh T đi xuất khẩu lao động ở nước ngoài nhưng không về, không quan tâm đến gia đình và cũng không gửi tiền về để nuôi dưỡng chăm sóc con. Chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị ly hôn anh T

+ Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là cháu Dương Thị Thủy L sinh ngày 11/9/2008 và Dương Minh H sinh ngày 27/6/2010. Hiện cả 2 cháu đang ở cùng chị, khỏe

manh và phát triển bình thường. Nay ly hôn chị đề nghị được tiếp tục nuôi cả 2 con chung, tiền cấp dưỡng nuôi con không yêu cầu Tòa án giải quyết.

+ Về tài sản chung, công nợ chung chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Vì lý do công việc nên chị xin vắng mặt tại các phiên tòa xét xử vụ án

Anh Dương Văn T là bị đơn trong vụ án vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa. Tòa án đã xác minh với ông Dương Văn Cát là bố đẻ anh T thì được biết: anh T hiện nay đang xuất lao động, cư trú tại Nhật Bản, thỉnh thoảng liên lạc về hỏi thăm gia đình qua điện thoại. Ông Cát đã thông báo cho anh T về việc chị B đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn. Tuy nhiên anh T không có văn bản thể hiện ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cũng không cung cấp địa chỉ cụ thể cho Tòa án.

Anh Dương Văn T đã được Tòa án niêm yết các văn bản tố tụng hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ 02 không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 4 – Bắc Ninh phát biểu về việc tuân theo pháp luật về tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký Tòa án đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án.

Về việc chấp hành pháp luật của đương sự: Nguyên đơn chấp hành đúng quy định của pháp luật; bị đơn cố tình giấu địa chỉ và vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Tòa án đã niêm yết đầy đủ các văn bản tố tụng đối với anh T theo quy định của pháp luật. Căn cứ Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, HĐXX xét xử vắng mặt anh T là đúng pháp luật.

- Về nội dung: Đề nghị HĐXX áp dụng Điều 51, 53, 56, 81, 82, 83 và khoản 2 Điều 123 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 điều 28; khoản 3 Điều 35; điểm c khoản 1 Điều 37; khoản 4 Điều 147; Điều 271; Điều 273; khoản 2 Điều 479 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, Xử cho chị Nguyễn Thị B ly hôn anh Dương Văn T. Giao con chung là cháu Dương Thị Thủy L, sinh ngày 11/9/2008 và Dương Minh H sinh ngày 27/6/2010 cho chị B trực tiếp nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con, không đặt ra xem xét giải quyết.

Về án phí, chị Nguyễn Thị B phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được công bố tại phiên tòa. Sau khi thảo luận và nghị án. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Nguyên đơn đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn, nuôi con chung. Đây là tranh chấp về ly hôn, về nuôi con thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về thẩm quyền: Anh Dương Văn T có nơi cư trú cuối cùng là thôn Quảng Mô, xã Lạng Giang, tỉnh Bắc Ninh. Vì vậy, thẩm quyền giải quyết vụ án thuộc Tòa án

nhân dân Khu vực 4 – Bắc Ninh theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3]. Về sự vắng mặt của đương sự tại phiên toà: Nguyên đơn có đơn xin vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án; bị đơn vắng mặt tại phiên toà lần thứ 2 không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228, 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt anh tất cả các đương sự.

[4]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị B và anh Dương Văn T kết hôn ngày 09/11/2007 trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Tiến Thắng, huyện Yên Thế, tỉnh Bắc Giang (cũ). Đây là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại các Điều 9, 11 Luật hôn nhân và gia đình 2000.

Căn cứ vào lời khai của chị B thì kể từ khi anh T đi xuất khẩu lao động tại Nhật Bản thì vợ chồng ngày càng ít liên lạc với nhau hơn, mỗi lần liên lạc vợ chồng lại xảy ra mâu thuẫn. Chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích xây dựng gia đình hạnh phúc, các thành viên trong gia đình quan tâm giúp đỡ nhau không đạt được. Vì vậy, nguyện vọng xin ly hôn của chị B là chính đáng, phù hợp với Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên HĐXX chấp nhận.

[5]. Về con chung: Quá trình giải quyết vụ án, anh T không có văn bản thể hiện ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Hơn nữa, hiện nay anh T đang cư trú và lao động ở nước ngoài nên không thể trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc con chung. Căn cứ điều kiện cũng như nguyện vọng của chị B, HĐXX giao cả 2 con chung cho chị B nuôi dưỡng. Chị B không yêu cầu giải quyết tiền cấp dưỡng nuôi con nên HĐXX không đặt ra xem xét giải quyết.

+ Về tài sản chung: Không có đương sự nào đề nghị Tòa án giải quyết nên HĐXX không đặt ra xem xét.

[4]. Về án phí: Chị B phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

[5]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271; Điều 273 và khoản 2 Điều 479 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 51; các Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 271, 273; 238; khoản 1 và khoản 2 Điều 479 Bộ Luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị B ly hôn với anh Dương Văn T

2. Về con chung: Giao cho chị Nguyễn Thị B trực tiếp nuôi dưỡng cả 2 con chung là cháu Dương Thị Thuỳ L sinh ngày 11/9/2008 và Dương Minh H sinh ngày 27/6/2010.

Sau khi ly hôn, cha mẹ vẫn có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên, con đã thành niên mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình theo quy định của pháp luật.

Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3 .Về án phí: Chị Nguyễn Thị B phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền 300.000đ đã nộp tạm ứng án phí sơ thẩm tại Biên lai thu số 0002935 ngày 04/11/2025 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Bắc Ninh.

4. Về quyền kháng cáo:

Chị Nguyễn Thị B vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ nhận được bản án.

Anh Dương Văn T vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

Án xử công khai sơ thẩm.

Nơi nhân:

- VKSND KV4 - Bắc Ninh;
- THADS KV4 - Bắc Ninh;
- UBND xã Tiên Thắng;
- Cổng thông tin điện tử;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu Tổ HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Ngữ

